TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68/2024/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 10 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2024 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị G, sinh năm 1990. NĐKHKTT: B S T, xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1986. NĐKHKTT: Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị G và anh Nguyễn Trung T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Lò Thị G và anh Nguyễn Trung T thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị G, anh Thành có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 03/8/2016. Anh chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Lò Thị G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hân cho đến tuổi trưởng thành

(đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Nguyễn Trung Thành không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G do chị G chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Thành được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh Thành thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị G, anh Thành đều xác nhận không có tài sản và nợ chung, do đó Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

d. Về án phí: Chị Lò Thị G tự nguyện nhận chịu nộp toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001306 ngày 11 tháng 03 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, chị G được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh